

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
(06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026)**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 159/QĐ-BVNR ngày 03/7/2026 của Bệnh viện Na Rì)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Bệnh viện Na Rì công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách (06 tháng đầu năm 2026) như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I (3 tháng, năm 2026) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	14.555	10.264	70,5%	
1	Lệ phí	-			
2	Phí	-			
3	Thu sự nghiệp	14.555	10.264	70,52%	
3.1	Thu dịch vụ khám chữa bệnh	14.000	9.628	68,77%	
3.2	Thu khác	555	636	114,61%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	12.091		
1	Chi sự nghiệp Y tế	-	12.091		-
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		12.091		

-	Chi lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp		6.745		
-	Chi thuốc, vật tư, hóa chất, các khoản chi khác phục vụ chuyên môn		5.346		
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		-	-	
2	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước		1		
1	Lệ phí				
2	Các khoản phải nộp nhà nước		1		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.288	108	21,47%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.288	108	21,47%	
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	3.288	108	21,47%	-
4.1	Dự toán năm trước chuyển sang	30			
4.2	Kinh phí hỗ trợ chi phí quản lý chưa kết cấu vào giá dịch vụ khám chữa bệnh	505	108	21,47%	
4.3	Kinh phí thường xuyên không thực hiện tự chủ	2.753	-	-	
-	- Tiền thưởng thực hiện theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ.	758	0	0,00%	
-	- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ mua sắm thiết bị y tế (01 máy gây mê)	1.150	0	0,00%	
-	- Kinh phí kinh phí mua sắm thiết bị đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để duy trì, vận hành hồ sơ bệnh án điện tử.	845	0	0,00%	

Ngày 03 tháng 7 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị
Giám đốc

Trần Thị Hằng